

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 19-NQ/TW*) và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động số 33-CTr/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, tạo thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân đối với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới mô hình phát triển theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương phù hợp điều kiện, tiềm năng, lợi thế và trình độ phát triển của Điện Biên; xác định rõ khâu đột phá, động lực tăng trưởng, không gian phát triển, nhiệm vụ, đề án, dự án trọng tâm và lộ trình thực hiện; bảo đảm thống nhất với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Quy hoạch tỉnh và các nghị quyết chuyên đề, tránh chồng chéo, phân tán nguồn lực.

- Tạo chuyển biến về chất lượng phát triển; phát huy kinh tế tư nhân, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon và các động lực mới. Tổ chức không gian phát triển theo Quy hoạch tỉnh, tăng liên kết nội tỉnh, liên vùng, biên giới, cửa khẩu; nâng cao đời sống và hạnh phúc của Nhân dân; chuyển từ tăng trưởng dựa nhiều vào vốn, tài nguyên và lao động sang dựa ngày càng nhiều hơn vào năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu, chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Yêu cầu

- Bám sát Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW; bảo đảm đồng bộ với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Quy hoạch tỉnh

Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nghị quyết chuyên đề của tỉnh về nông nghiệp, du lịch, kinh tế tư nhân, cải cách hành chính, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kế thừa, tích hợp các chương trình, kế hoạch, đề án đang thực hiện, không tạo thêm hệ thống nhiệm vụ trùng lặp.

- Bảo đảm thực tiễn, khả thi, có trọng tâm, phù hợp nguồn lực và điểm xuất phát của tỉnh; lượng hóa chỉ tiêu phù hợp dư địa, khả năng huy động nguồn lực. Nhiệm vụ phải rõ mục tiêu, cơ quan chủ trì, phối hợp, tiến độ, sản phẩm, nguồn lực; chỉ tiêu chủ yếu có cơ quan theo dõi và dữ liệu đánh giá. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu và tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

(1) Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước, quyền làm chủ của Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò giám sát, phản biện xã hội.

(2) Đổi mới mô hình phát triển trước hết từ đổi mới tư duy, cơ chế, chính sách, phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện; chuyển mạnh sang mô hình tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập. Điện Biên tập trung phát triển kinh tế xanh, thông minh, thích ứng; lấy con người làm trung tâm, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu làm động lực chủ yếu; lấy năng suất, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả sử dụng nguồn lực làm nguyên tắc xuyên suốt; gắn phát triển với quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới và hội nhập.

(3) Vận hành mô hình phát triển theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, dựa trên quản trị hiện đại và quan hệ hài hòa giữa chính quyền, thị trường, xã hội; tăng liên kết nội tỉnh, liên vùng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là then chốt; văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh; quốc phòng, an ninh, đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

(4) Đặt đổi mới mô hình phát triển trong tầm nhìn dài hạn, phát huy vị trí địa chiến lược, bản sắc văn hóa, “tinh thần Điện Biên Phủ năm xưa thấp lè trong thời bình như một mệnh lệnh phát triển”, ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc. Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, trong đó nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng; nâng cao tính tự chủ, sức chống chịu và khả năng quản trị rủi ro trước thiên tai, biến đổi khí hậu, biến động thị trường và các thách thức an ninh; phấn đấu xây dựng Điện Biên phát triển xanh, thông minh, bền vững.

(5) Thực hiện đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm theo từng giai đoạn; chuyển từ quản lý sang kiến tạo, phục vụ phát triển; từ quản lý theo quy trình, đầu vào sang

quản trị theo mục tiêu, kết quả, tác động và dữ liệu; tăng khả năng theo dõi, cảnh báo, điều chỉnh chính sách. Lấy chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp, năng lực phối hợp và hiệu quả giải quyết vấn đề thực tiễn làm thước đo.

2. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới mạnh mẽ mô hình phát triển của tỉnh theo hướng tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập; xây dựng hệ sinh thái phát triển xanh, thông minh, bao trùm, dựa trên quản trị hiện đại, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu và nguồn nhân lực. Cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng năng suất, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh; phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn chế biến, chuỗi giá trị; công nghiệp chế biến, năng lượng phù hợp quy hoạch; kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics; phát huy kinh tế tư nhân, kinh tế số, kinh tế xanh và động lực mới.

Tổ chức hiệu quả không gian phát triển theo Quy hoạch tỉnh, gắn hạ tầng chiến lược với liên kết và khai thác du địa phát triển; phát triển đồng bộ xã hội, văn hóa, con người, môi trường, thu hẹp chênh lệch vùng; giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới, mở rộng đối ngoại và hội nhập. Phấn đấu đến năm 2030 tạo nền tảng vững chắc cho mô hình mới, đưa Điện Biên phát triển theo hướng kinh tế xanh, thông minh, bền vững, là một trong những trung tâm du lịch của vùng, thuộc nhóm phát triển khá trong khu vực; đến năm 2045 thuộc nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước.

3. Mục tiêu cụ thể theo giai đoạn

Mục tiêu cụ thể được xác định theo tiến trình chuyển đổi mô hình phát triển và hệ thống chỉ tiêu đến năm 2030, 2035, 2045 tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch; được rà soát, cập nhật khi Trung ương điều chỉnh chỉ tiêu, phương pháp thống kê hoặc các quy hoạch, nghị quyết, chương trình của tỉnh được cấp có thẩm quyền điều chỉnh.

- Đến năm 2030: Hình thành vững chắc nền tảng của mô hình phát triển mới; nâng chất lượng thể chế, quản trị, chính quyền địa phương hai cấp; từng bước hoàn thiện hạ tầng chiến lược, dữ liệu và năng lực số; tạo chuyển biến về năng suất, nguồn nhân lực, doanh nghiệp và huy động nguồn lực xã hội. Tổ chức hiệu quả không gian phát triển; thúc đẩy du lịch, kinh tế tư nhân, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến, năng lượng, kinh tế cửa khẩu, kinh tế số trở thành các động lực rõ nét.

- Đến năm 2035: Cơ bản chuyển sang mô hình phát triển dựa nhiều hơn vào năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, nguồn nhân lực chất lượng cao và kinh tế tư nhân; hạ tầng, đô thị, cửa khẩu, các không gian kinh tế được kết nối đồng bộ; các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được vận hành ngày càng hiện đại, hiệu quả, bao trùm, bền vững.

- Đến năm 2045: Hoàn thiện mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập; kinh tế có sức cạnh tranh, khả năng chống chịu, thích ứng cao trên nền tảng xanh, thông minh; văn hóa, con người, bản sắc Điện Biên trở

thành nguồn lực nội sinh; xã hội hài hòa, tiến bộ, an toàn; môi trường được bảo vệ; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới vững chắc; đối ngoại, liên kết phát triển mở rộng; Điện Biên thuộc nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện

Tạo chuyển biến thực chất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân về đổi mới mô hình phát triển. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu; đổi mới công tác cán bộ, lấy kết quả, sản phẩm và tác động phát triển làm thước đo. Thực hiện nghiêm cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phát hiện, sử dụng, thu hút chuyên gia và nhân lực chất lượng cao.

Đổi mới lãnh đạo, quản lý, điều hành theo nguyên tắc “6 rõ”; quản trị theo mục tiêu, kết quả, tác động và dữ liệu, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Nhiệm vụ trọng tâm phải có chỉ số kết quả, mốc tiến độ, cảnh báo chậm; tăng kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trì trệ, né tránh trách nhiệm. Thường xuyên nhận diện, xử lý điểm nghẽn về thể chế, nguồn lực, phối hợp, nhất là vấn đề liên ngành, liên địa bàn và nhiệm vụ khó ở vùng cao, biên giới.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; một việc chỉ giao một đầu mối chủ trì, rõ cơ chế phối hợp. Nâng chất lượng vận hành chính quyền địa phương hai cấp, năng lực thực thi, quản trị, cung cấp dịch vụ công và giải quyết vấn đề ở cấp xã; phân cấp, phân quyền gắn điều kiện bảo đảm về nhân lực, dữ liệu, tài chính, công cụ quản lý. Chuẩn hóa, số hóa chế độ báo cáo, tăng khai thác dữ liệu dùng chung phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Về kinh tế

2.1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu và chất lượng nguồn nhân lực làm động lực chủ yếu; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng tỷ trọng các ngành, lĩnh vực và sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Điều hành tăng trưởng đồng thời theo dõi GRDP, năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp, hiệu quả đầu tư, thu ngân sách, phát triển doanh nghiệp, chất lượng việc làm và tác động đến đời sống. Khơi thông, nâng hiệu quả các thị trường đất đai, vốn, lao động, khoa học - công nghệ và dữ liệu; tập trung vào các động lực tăng trưởng lớn, bền vững, có liên kết chuỗi.

Cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng phát huy tối đa lợi thế đặc thù nhưng phải gắn với thị trường, công nghệ và năng lực tạo giá trị. Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên nền tảng Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, bản sắc văn hóa các dân tộc và cảnh quan sinh thái; phát triển nông, lâm

nghiệp hàng hóa tập trung, xanh, thông minh với các sản phẩm chủ lực như mắc ca, cà phê, dược liệu, cây ăn quả, gắn chặt vùng nguyên liệu với chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc và thương hiệu; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch; khai thác hiệu quả kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics qua Cửa khẩu quốc tế Tây Trang, Cửa khẩu chính Huổi Puốc - Na Son và khu vực cửa khẩu A Pa Chải - Long Phú. Từng bước chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp - xây dựng có giá trị gia tăng cao và giảm dần phụ thuộc vào sản xuất sơ cấp.

Tập trung nguồn lực cho các dự án, nhiệm vụ có khả năng tạo năng lực sản xuất mới, mở rộng không gian phát triển, tăng thu ngân sách và thúc đẩy đầu tư tư nhân; chuyển từ phân bổ nguồn lực theo đầu vào sang phân bổ theo mục tiêu, hiệu quả và kết quả đầu ra. Xây dựng danh mục dự án động lực, dự án hạ tầng chiến lược và dự án ngoài ngân sách quan trọng để theo dõi xuyên suốt từ thủ tục, giải phóng mặt bằng, vốn, tiến độ thực địa đến sản phẩm cuối cùng; kịp thời xử lý dự án chậm tiến độ, kéo dài, sử dụng đất và nguồn lực kém hiệu quả. Bảo đảm đầu tư công giữ vai trò dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực xã hội, không dàn trải, manh mún.

2.2. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, nâng cao năng lực doanh nghiệp và phát huy vai trò của các chủ thể kinh tế

Tổ chức thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 31/12/2025 về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 31/12/2025 về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, quy mô, năng suất, năng lực quản trị và mức đóng góp vào GRDP, ngân sách; khuyến khích hình thành doanh nghiệp dẫn dắt trong các lĩnh vực tỉnh có lợi thế; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình, chính thức hóa hoạt động, mở rộng quy mô và tham gia chuỗi giá trị.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng thực chất, minh bạch, bình đẳng; tiếp tục cắt giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, phát huy hiệu quả cơ chế “luồng xanh” đối với thủ tục liên quan trực tiếp đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Công khai, số hóa thông tin về quy hoạch, đất đai, danh mục dự án, cơ chế, chính sách và tiến độ giải quyết hồ sơ; tăng đối thoại, theo dõi đến cùng việc giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp. Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai, tín dụng, công nghệ, dữ liệu, nhân lực và thị trường; lấy kết quả cải thiện PCI, PAR INDEX, SIPAS và phản hồi của doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá chất lượng điều hành.

Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã và các thành phần kinh tế trên địa bàn; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, hộ sản xuất và người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, hình thành các chuỗi liên kết ổn định từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm OCOP; lấy doanh nghiệp làm lực lượng quan trọng dẫn dắt đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, du lịch của tỉnh.

2.3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo động lực mới cho tăng trưởng

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thực tiễn của tỉnh; ưu tiên nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch, thương mại, logistics, quản lý tài nguyên, môi trường và quản trị nhà nước; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 27/02/2026 và Kế hoạch số 216-KH/TU, ngày 28/4/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tập trung hạ tầng dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, chia sẻ dữ liệu dùng chung; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học - công nghệ, Trung tâm đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nền tảng số. Ưu tiên bài toán công nghệ giải quyết trực tiếp điểm nghẽn; ứng dụng AI, công nghệ mới, công nghệ cao; nghiên cứu thử nghiệm có kiểm soát mô hình mới; phát triển mô hình kinh tế tầm thấp gắn với ứng dụng phương tiện bay không người lái (UAV) và công nghệ số trong một số lĩnh vực phù hợp.

Phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và cộng đồng; nâng cao năng lực khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh theo hướng là nền tảng hỗ trợ ra quyết định, theo dõi mục tiêu, chỉ tiêu và cảnh báo sớm, không chỉ là nơi tổng hợp, trình diễn dữ liệu. Trước mắt khai thác ngay hạ tầng, phần mềm và dữ liệu hiện có để hình thành các sản phẩm điều hành thiết yếu; triển khai theo lộ trình, tránh đầu tư trùng lặp, khép kín và không chờ hoàn thành toàn bộ hệ thống mới đưa vào sử dụng.

2.4. Phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, tổ chức không gian kinh tế và tăng cường liên kết phát triển

Tập trung phát triển đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại, xanh, thông minh tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Ưu tiên các công trình có tính chiến lược, kết nối và lan tỏa, nhất là tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, các quốc lộ 279, 12, 6, 4H, giao thông kết nối cửa khẩu; hạ tầng logistics, đô thị, năng lượng, thủy lợi, số và hạ tầng vùng sản xuất. Gắn quyết định đầu tư với khả năng khai thác quỹ đất, thu hút đầu tư, hình thành các hoạt động sản xuất - dịch vụ mới và nâng cao năng lực cạnh tranh; kiểm soát chặt chất lượng, tiến độ, tổng mức đầu tư, hiệu quả và phòng, chống thất thoát, lãng phí.

Tổ chức, khai thác hiệu quả không gian phát triển theo Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc triển khai phải gắn với chức năng, tiềm năng, lợi thế, hệ thống hạ tầng và chuỗi giá trị, không phụ thuộc vào địa giới hành

chính trước sắp xếp; chủ động rà soát, đề xuất cập nhật khi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu phát triển mới. Phát huy hiệu quả Cảng hàng không Điện Biên, hệ thống cửa khẩu, các tuyến giao thông quan trọng, không gian đô thị trung tâm và các vùng sản xuất để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại, dịch vụ và lan tỏa phát triển.

Đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển đô thị trở thành động lực tăng trưởng; tập trung xây dựng đô thị Điện Biên Phủ và các đô thị trung tâm thành các cực tăng trưởng, trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch; phát triển đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc. Tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; tổ chức lại không gian phát triển gắn với các trục giao thông chiến lược, hành lang kinh tế, khu vực cửa khẩu và các trung tâm logistics phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.5. Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế có lợi thế, hình thành các động lực tăng trưởng mới

Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, gắn với thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh - thông minh - bền vững; tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế, có khả năng xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường, nhất là mắc ca, cà phê, dược liệu, cây ăn quả; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản, tiêu thụ và phát triển chuỗi giá trị.

Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ưu tiên công nghiệp chế biến, chế biến sâu nông, lâm sản, sản xuất vật liệu, năng lượng và các ngành phù hợp với tiềm năng, lợi thế, điều kiện hạ tầng và môi trường của tỉnh; tăng cường liên kết sản xuất, nâng cao tỷ lệ chế biến và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tập trung triển khai Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 04/11/2025 thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phát huy tiềm năng năng lượng tái tạo của tỉnh.

Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và logistics theo hướng hiện đại, hiệu quả, gắn với đầu tư hạ tầng cửa khẩu, kho bãi, vận tải, dịch vụ logistics, thương mại điện tử và số hóa quy trình quản lý. Nâng cao năng lực thông quan, kết nối cung - cầu, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và sản phẩm chủ lực đáp ứng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường; mở rộng liên kết với Bắc Lào, Vân Nam (Trung Quốc) và các thị trường phù hợp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế cửa khẩu với quản lý biên giới, quốc phòng, an ninh và phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2.6. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày

31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; chuyển mạnh từ tăng số lượng khách sang nâng chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế của mỗi lượt khách. Theo dõi đồng thời lượng khách, thời gian lưu trú, mức chi tiêu, doanh thu, tỷ lệ quay lại và mức đóng góp của du lịch vào GRDP; phát triển sản phẩm có khả năng kéo dài mùa du lịch và thời gian lưu trú, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo sức lan tỏa tới thương mại, vận tải, nông nghiệp, công nghiệp văn hóa và dịch vụ.

Phát huy giá trị đặc biệt của Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, bản sắc văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, hệ thống di sản và các giá trị đặc trưng của địa phương để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái, cộng đồng, khám phá, nghỉ dưỡng, thể thao và các loại hình du lịch mới phù hợp; xây dựng công nghiệp văn hóa, nhất là du lịch thực hành, du lịch lịch sử, gắn kết du khách trong các show diễn thực cảnh về lịch sử.

Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm du lịch đặc trưng, có thương hiệu và khả năng liên kết thành chuỗi; kết nối di tích lịch sử, văn hóa các dân tộc, cảnh quan sinh thái, du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, thể thao với không gian đô thị, thương mại, ẩm thực, kinh tế đêm và các sự kiện văn hóa. Nâng cao chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực, hạ tầng và môi trường du lịch; đẩy mạnh chuyển đổi số, xúc tiến, quảng bá, liên kết với các tỉnh Tây Bắc, Bắc Lào, Vân Nam và các trung tâm gửi khách lớn; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản phẩm mới, tăng trải nghiệm và khả năng chi tiêu của du khách.

2.7. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên

Thúc đẩy chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng và đất đai; phát triển kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, giảm phát thải và tận dụng phụ phẩm, chất thải. Từng bước lượng hóa, hạch toán và nâng cao giá trị tài nguyên, tài sản tự nhiên, nhất là rừng, nguồn nước, cảnh quan và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế lâm nghiệp đa giá trị, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng; nghiên cứu phát triển tín chỉ carbon rừng, tạo thêm nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng. Gắn chuyển đổi xanh với đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, khả năng tiếp cận thị trường và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quản trị rủi ro, chủ động ứng phó với thiên tai, biến động thị trường và các yếu tố bên ngoài, bảo đảm ổn định, bền vững của các chuỗi sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh.

3. Về xã hội

3.1. Phát triển thị trường lao động, việc làm, nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, gắn dự báo cung - cầu nhân lực với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và nhu cầu doanh nghiệp; ưu tiên nhân lực cho du lịch, công nghiệp chế biến, năng lượng, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ và quản trị số. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55%; tăng đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng nghề và khả năng thích ứng của người lao động; đồng thời mở rộng thị trường lao động ngoài tỉnh và ngoài nước theo hướng an toàn, hiệu quả.

Gắn nâng cao năng suất lao động với nâng cao chất lượng việc làm, thu nhập và đời sống người lao động; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ưu tiên hỗ trợ thanh niên, lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số và lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận đào tạo nghề, việc làm và các cơ hội sinh kế bền vững.

3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển kỹ năng xã hội

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 05-KH/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học; bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho mọi người dân, nhất là trẻ em, học sinh ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và địa bàn còn khó khăn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; tăng cường giáo dục STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng nghề và năng lực thích ứng với thay đổi của thị trường lao động.

Đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn với doanh nghiệp trong đào tạo, thực hành và tuyển dụng.

3.3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, dân số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 07-KH/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nâng cao chất lượng, khả năng tiếp cận và tính công bằng trong cung cấp dịch vụ y tế; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và năng lực phòng, chống dịch bệnh; ưu tiên vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới và các nhóm dân cư còn khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế.

Nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp, góp phần nâng cao tuổi thọ,

số năm sống khỏe và chất lượng cuộc sống của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong y tế; phát triển hồ sơ sức khỏe điện tử, khám, chữa bệnh từ xa và các nền tảng số phù hợp với điều kiện của tỉnh; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân, nhất là tại các xã vùng cao, biên giới.

3.4. Bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bao trùm, bền vững; giảm nghèo và nâng cao khả năng tự bảo đảm của người dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, toàn diện, bao trùm, hiện đại, bền vững; ưu tiên vùng cao, biên giới và nhóm yếu thế; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, phấn đấu trên 98% người dân tham gia bảo hiểm y tế vào năm 2030. Chuyển trọng tâm từ hỗ trợ thụ động sang đầu tư cho sinh kế, kỹ năng, việc làm, nhà ở, nước sạch và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản, nâng cao năng lực tự vươn lên và giảm nghèo bền vững.

Đổi mới phương thức giảm nghèo theo hướng đa chiều, bền vững, giảm hỗ trợ trực tiếp, tăng hỗ trợ tạo sinh kế, việc làm, thu nhập và khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển, phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm trở lên. Ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, biên giới và các địa bàn còn khó khăn; gắn giảm nghèo với phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tăng cường huy động nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng trong thực hiện chính sách an sinh; chuyển mạnh từ hỗ trợ đơn thuần sang tạo cơ hội để người dân chủ động tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển.

3.5. Thu hẹp khoảng cách phát triển, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội

Tập trung nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế, việc làm, sinh kế và các dịch vụ thiết yếu tại vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới, nhất là các xã đặc biệt khó khăn; từng bước thu hẹp khoảng cách về thu nhập, điều kiện sống và khả năng tiếp cận dịch vụ giữa các địa bàn, các nhóm dân cư trong tỉnh.

Gắn phát triển kinh tế với nâng chất lượng cuộc sống, hạnh phúc; phát triển quản trị xã hội hiện đại, chủ động dựa trên dữ liệu, dự báo, phòng ngừa từ sớm; tăng sự tham gia của người dân và vai trò cộng đồng trong hoạch định, thực hiện chính sách, xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa.

4. Về văn hóa, con người

4.1. Xây dựng con người Điện Biên phát triển toàn diện, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển

Lấy con người làm trung tâm, mục tiêu, động lực của phát triển; xây dựng con người Điện Biên phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, kỹ năng, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội và năng lực thích ứng với yêu cầu của mô hình phát triển mới. Phát huy “tinh thần Điện Biên Phủ năm xưa thấp lên trong thời bình như một mệnh lệnh phát triển”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng cống hiến, tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; hình thành môi trường khuyến khích học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp và cống hiến vì sự phát triển của tỉnh.

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; chú trọng bồi dưỡng tư duy khoa học, tư duy sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và thích ứng với sự thay đổi cho học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm và khát vọng cống hiến, góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của mô hình phát triển mới.

Gắn phát triển con người với môi trường văn hóa lành mạnh, kỷ cương, văn minh; đề cao trách nhiệm công dân, chấp hành pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công vụ, văn hóa kinh doanh; phát huy vai trò gia đình, nhà trường, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội.

4.2. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc các dân tộc, tạo nền tảng và nguồn lực nội sinh cho phát triển

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Kế hoạch số 34-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và bản sắc văn hóa các dân tộc; gắn bảo tồn với nâng cao đời sống cộng đồng, phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục truyền thống, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Phát huy giá trị đặc biệt của Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, các di tích lịch sử, văn hóa và giá trị văn hóa các dân tộc trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển. Tăng cường sưu tầm, nghiên cứu, số hóa, quảng bá và truyền dạy các giá trị văn hóa; bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị di sản, không làm mai một bản sắc văn hóa trong quá trình phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; số hóa dữ liệu di sản, tăng cường quảng bá hình ảnh, sản phẩm văn hóa đặc trưng của tỉnh trên các nền tảng số.

4.3. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, sản phẩm văn hóa đặc trưng gắn với du lịch

Khai thác giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc để hình thành sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng, thương hiệu, giá trị gia tăng; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp điều kiện tỉnh.

Gắn phát triển sản phẩm văn hóa với phát triển du lịch, nhất là du lịch lịch sử, văn hóa, cộng đồng và trải nghiệm, đồng bộ với Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh; xây dựng các sản phẩm đặc trưng từ nghệ thuật truyền thống, lễ hội, ẩm thực, nghề thủ công, các sản phẩm văn hóa trình diễn gắn lịch sử, phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử theo hướng thực hành, trải nghiệm, du khách trực tiếp tham gia tái hiện, nhập vai trong các sự kiện, không gian lịch sử; đồng thời khám phá, trải nghiệm và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc. Khuyến khích cộng đồng, nghệ nhân, doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia sáng tạo, bảo tồn, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm văn hóa, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

Tập trung xây dựng các dịch vụ, sản phẩm du lịch chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn, mang bản sắc riêng và sức cạnh tranh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của du khách.

4.4. Nâng cao đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xã hội văn minh

Nâng chất lượng, khả năng tiếp cận thiết chế, dịch vụ văn hóa, thể thao; phát triển đời sống văn hóa cơ sở, nhất là vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới; nâng chất lượng phong trào gia đình, cộng đồng văn hóa, văn minh, bảo tồn giá trị tốt đẹp.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, xã hội; phòng, chống xuống cấp đạo đức, lối sống, tệ nạn và tác động tiêu cực của môi trường số; phát huy văn hóa trong củng cố đại đoàn kết, đồng thuận xã hội và xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh.

5. Về môi trường sinh thái

Coi quản trị tài nguyên, môi trường, an ninh sinh thái là trụ cột phát triển bền vững, gắn an ninh nguồn nước, lương thực, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, thích ứng biến đổi khí hậu và sức chống chịu kinh tế. Thực hiện lộ trình phát thải ròng bằng “0” theo mục tiêu quốc gia; phát triển kinh tế tuần hoàn, carbon thấp, kinh tế rừng; xây dựng dữ liệu tài nguyên, môi trường, từng bước lượng hóa dịch vụ hệ sinh thái, tiềm năng tín chỉ carbon rừng để huy động nguồn lực cho rừng và sinh kế.

Quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm đất, nước, rừng, khoáng sản gắn quy hoạch; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái, hành lang sinh thái; phát triển kinh tế rừng, nâng giá trị lâm sản, duy trì, nâng tỷ lệ che phủ rừng. Tích hợp bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, đầu tư công và quyết định đầu tư.

Kiểm soát nguồn ô nhiễm, đẩy mạnh thu gom, xử lý rác, nước thải, xã hội hóa bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ nâng chất lượng môi trường sống. Chủ động phòng, chống thiên tai, nâng dự báo, cảnh báo lũ ống, lũ quét, sạt lở và thời tiết cực đoan; bố trí dân cư, nhà ở an toàn; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa. Chuyển từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro, phòng ngừa từ sớm, từ xa, tăng ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

6. Về quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc; nâng năng lực phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, không để bị động, bất ngờ. Triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 31/12/2025 về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tích hợp yêu cầu quốc phòng, an ninh ngay từ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, nhất là địa bàn chiến lược, vùng cao, biên giới; thực hiện nguyên tắc “phát triển đến đâu, an ninh đến đó”. Tăng đánh giá, cảnh báo sớm rủi ro an ninh đối với dự án lớn, hạ tầng trọng yếu, nền tảng số, đầu tư nước ngoài và công nghệ, lĩnh vực nhạy cảm.

Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc; bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác, phát triển. Tăng tuần tra, kiểm soát biên giới, cửa khẩu, đường mòn, lối mở; phòng ngừa, xử lý vi phạm quy chế biên giới, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại và hoạt động ảnh hưởng an ninh, trật tự.

Xây dựng thế trận an ninh nhân dân hiện đại, đa tầng, liên hoàn, gắn chặt quốc phòng toàn dân và thế trận lòng dân. Phát huy sức mạnh hệ thống chính trị, Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong bảo vệ an ninh, trật tự, chủ quyền biên giới, củng cố đại đoàn kết. Gắn quốc phòng, an ninh với chăm lo đời sống, sinh kế, nhất là tại 15 xã biên giới; phát huy lòng yêu nước, đồng thuận xã hội thành nguồn lực bảo vệ và phát triển.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng năng lực dự báo, phòng ngừa, xử lý từ sớm các vụ việc phức tạp. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, phần đầu xây dựng Điện Biên không ma túy; đấu tranh tội phạm ma túy, xuyên quốc gia, mua bán người, buôn lậu, gian lận thương mại, công nghệ cao; bảo đảm an ninh kinh tế, mạng, thông tin, an toàn công trình, sự kiện quan trọng; kiểm chế, kéo giảm tội phạm và tai nạn đặc biệt nghiêm trọng.

Xây dựng hệ thống giám sát rủi ro, cảnh báo sớm về an ninh theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an; nâng năng lực bảo vệ an ninh quốc gia từ sớm, từ xa trên mọi lĩnh vực, không gian. Phát huy vai trò nòng cốt của Công an tỉnh, phối hợp các lực lượng để phòng ngừa, xử lý nguy cơ, thách thức, tình huống khủng hoảng, mối đe dọa mới, giữ môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Củng cố phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố, thảm họa; chủ động lực lượng, phương tiện, vật tư, phương án theo địa bàn, nhất là nơi nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở, cháy rừng; nâng năng lực chỉ huy, phối hợp từ cơ sở, hạn chế thiệt hại.

7. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của tỉnh, bảo đảm phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Củng cố, làm sâu sắc quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam (*Trung Quốc*); thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết, mở rộng hợp tác thực

chất trên các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Tăng cường thiết lập quan hệ với các địa phương, đối tác của Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga và các tỉnh Chiềng Rai, Chiềng Mai của Thái Lan; phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

Gắn công tác đối ngoại với ngoại giao kinh tế, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, khoa học, công nghệ và huy động nguồn lực cho phát triển; chủ động kết nối, thu hút các đối tác, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế có năng lực, công nghệ và thị trường phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Khai thác hiệu quả Cảng hàng không Điện Biên và hệ thống cửa khẩu để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu, phát triển thương mại biên giới và logistics; tăng cường liên kết các tuyến, điểm du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái, cộng đồng, từng bước hình thành không gian du lịch xuyên biên giới; nâng cao khả năng tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và sản phẩm chủ lực của tỉnh vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực.

Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; chủ động cập nhật thông tin, tiêu chuẩn, quy định của các thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với biến động bên ngoài. Đa dạng hóa thị trường, đối tác và chuỗi cung ứng; tăng cường nhận diện, đánh giá, quản trị rủi ro, bảo đảm hội nhập chủ động, hiệu quả, an toàn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch được cụ thể hóa tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch này rà soát, tích hợp nhiệm vụ vào chương trình công tác, chương trình hành động, kế hoạch hiện có; phân công rõ tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm từng nhiệm vụ trọng tâm; định kỳ cập nhật kết quả, số liệu, sản phẩm.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch này; cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, bảo đảm đồng bộ; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tham mưu sơ kết, tổng kết và điều chỉnh phù hợp thực tiễn.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kế hoạch này; ưu tiên chính sách khơi thông nguồn lực, thúc đẩy kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực, liên kết vùng và an sinh.

4. Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp tham mưu chỉ đạo, định hướng tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Kế hoạch này bằng nội dung cụ thể, dễ nhận diện, tạo thống nhất nhận thức và hành động.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, Nhân dân tham gia thực hiện; tăng giám sát, phản biện xã hội, nhất là chính sách, dự án tác động trực tiếp đến người dân, môi trường, sinh kế và phân bổ nguồn lực.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc đề xuất xử lý tình trạng trì trệ, né tránh, đùn đẩy, hình thức, kém hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND tỉnh;
- MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số 80-KH/TU, ngày 25/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
I	Nhóm chỉ tiêu về đổi mới tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện				
1	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	83%	85%	88%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nội vụ)
2	Chỉ số CCHC của tỉnh (PAR INDEX)	87%	88,2%	89,3%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nội vụ)
3	Tỷ lệ các sở, ban, ngành, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Khoảng 95% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10-11%	8 - 8,5%	Khoảng 7,5%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành, đến cuối kỳ) (USD)	4.195 USD/người	Khoảng 6.500 USD/người	Khoảng 14.000 USD/người	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)
3	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	> 55%	> 55%	> 55%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
4	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5%	> 7,5%	6,5% – 7,0%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)
5	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	25%	30%	> 30%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh)
6	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	60%	> 60%	> 60%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)
7	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm	10%	10%	15%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)
8	Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, dữ liệu vùng trồng và nông nghiệp công nghệ cao	Khoảng 70.000 ha vùng sản xuất hàng hóa tập trung; 50.000 ha vùng trồng được xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý bằng công nghệ số, trong đó 300 ha được ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất nông nghiệp thông minh	Duy trì và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đạt 100.000 ha; 100% các vùng sản xuất hàng hóa tập trung được xây dựng cơ sở dữ liệu, được cấp nước tưới chủ động, được đầu tư hạ tầng vùng trồng, giao thông nội đồng	Tiếp tục duy trì và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
9	Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân trong GRDP	40%	45%	Trên 50%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính, Thống kê tỉnh)
10	Khách du lịch, doanh thu và đóng góp của du lịch vào tăng trưởng	Giai đoạn 2026-2030 tổng lượng khách du lịch đạt trên 08 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 15.000 tỷ đồng; đóng góp khoảng 11% GRDP	Trong giai đoạn 2031 - 2035, tổng lượng khách du lịch đạt 12 triệu lượt, tổng thu từ khách du lịch trong giai đoạn đạt 24.000 tỷ đồng, đóng góp từ 12 đến 14% trong GRDP của tỉnh	Du lịch tiếp tục phát triển bền vững, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có sản phẩm, thương hiệu và năng lực cạnh tranh cao	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
11	Tăng trưởng xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ và thương mại biên giới	Trên 10%/năm	Khoảng 10%/năm	Khoảng 10%/năm	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)
12	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và tỷ trọng chế biến, chế tạo	IIP tăng bình quân 18,52%/năm; tỷ trọng chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 3,2%	IIP tăng bình quân khoảng 12-13%/năm; tỷ trọng chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 3,5% vào năm 2035	IIP tăng bình quân khoảng 8-10%/năm; tỷ trọng chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 5% vào năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)
III	Nhóm chỉ tiêu về xã hội				
1	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	716.000 người	767.000 người	880.000 người	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế, Thống kê tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
2	Chỉ số tuổi thọ trung bình (cuối kỳ)	73 tuổi	73,5 tuổi	74 tuổi	Đảng ủy UBND tỉnh (Thống kê tỉnh)
3	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	11-13 người/vạn dân	15-20 người/vạn dân	40-50 người/vạn dân	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)
4	Phát triển nhân lực số (Tỷ lệ dân số trưởng thành có kỹ năng số cơ bản)	90%	100%	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)
5	Số bác sĩ/vạn dân	14,0	15,0	16,0	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
6	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (%)	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
7	Tỷ lệ dân số toàn tỉnh được quản lý bằng Hồ sơ sức khỏe điện tử (%)	>95	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
8	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	>98	99	100	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng (%)	≥95	≥95	≥95	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) (%)	<21	≤18	≤15	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
11	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất 01 lần/người/năm	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
12	Tỷ lệ trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ (%)	100	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế)
13	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	35%	40%	40%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo)
14	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Giảm bình quân 3%/năm trở lên	Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm trên 3,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031-2035	Duy trì giảm nghèo bền vững, hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
15	Xây dựng nông thôn mới	Phấn đấu toàn tỉnh có 65% xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; phấn đấu giảm 65% các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phấn đấu có khoảng 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có khoảng 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận xã đạt nông thôn mới hiện đại theo quy định	Tiếp tục xây dựng nông thôn mới hiện đại, đáng sống; thu hẹp căn bản chênh lệch thu nhập và tiếp cận dịch vụ giữa các vùng	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
16	Giảm tảo hôn và phòng, chống hôn nhân cận huyết thống	Phấn đấu giảm tỷ lệ tảo hôn bình quân từ 5% đến 6%/năm	Duy trì không có hôn nhân cận huyết thống, tiếp tục giảm tảo hôn	Xóa bỏ bền vững tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Dân tộc và Tôn giáo)
IV	Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, con người				
1	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,694	> 0,7	> 0,8	Đảng ủy UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
					(Thống kê tỉnh)
2	Hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” (%)	≥ 80%	85%	≥ 90%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
3	Thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa (%)	≥ 75%	80%	≥ 85%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
4	Thiết chế văn hóa đã xây dựng hoạt động thường xuyên, hiệu quả (%)	90%	100%	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
5	Tổ chức các sự kiện về văn hóa, nghệ thuật, thể thao (sự kiện/năm)	Có ít nhất 03 sự kiện lớn tại tỉnh; 01 sự kiện/xã, phường	Có ít nhất 03 sự kiện lớn tại tỉnh; 01 sự kiện/xã, phường; nâng cao chất lượng, hiệu quả	Có ít nhất 03 sự kiện lớn tại tỉnh; 01 sự kiện/xã, phường; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
6	Tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa trong GRDP của tỉnh (%)	3,5% - 5%	5,5% - 6%	7%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
7	Di tích được xếp hạng	41	47	49	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
V	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái				
1	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	9%	11%	Phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
2	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	$\geq 70\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn	$> 80\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Hoàn thành di dời 85 - 90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời 95 - 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
VI	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh				
1	Diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự	Hoàn thành 100% cuộc diễn tập theo kế hoạch	Hoàn thành 100% cuộc diễn tập theo kế hoạch, nâng cao chất lượng và khả năng phối hợp liên lực lượng	Hoàn thành 100% cuộc diễn tập theo kế hoạch, tiếp tục nâng cao chất lượng và khả năng phối hợp liên lực lượng	Đảng ủy Quân sự tỉnh
2	Tuyển quân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân; 100% đối tượng được bồi dưỡng theo quy định	Duy trì 100%	Duy trì 100%	Đảng ủy Quân sự tỉnh
3	Kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội	Số vụ phạm tội giảm ít nhất 5%/năm	Tiếp tục giảm; xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn	Tiếp tục giảm; xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn	Đảng ủy Công an tỉnh
4	Xây dựng tỉnh Điện Biên không ma túy	Phấn đấu tỉnh không ma túy đến năm	Duy trì bền vững địa	Duy trì bền vững địa	Đảng ủy Công an

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
		2030	bàn không ma túy	bàn không ma túy	tỉnh
VII	Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế				
1	Ký kết Biên bản ghi nhớ giữa tỉnh Điện Biên và các tỉnh: Luông-pha-bang, U-đôm-xay, Phong-sa-lỳ, Bo-kẹo, Xay-nhạ-bu-ly, Luông-nậm-thà (Lào)	06 thỏa thuận quốc tế	06 thỏa thuận quốc tế	06 thỏa thuận quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Ngoại vụ)
2	Tăng cường thiết lập quan hệ hữu nghị địa phương nước ngoài (các tỉnh Bắc Thái Lan; các địa phương Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga...) có nhiều tiềm năng, phù hợp với định hướng đối ngoại của tỉnh	01 thỏa thuận quốc tế	01 thỏa thuận quốc tế	01 thỏa thuận quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Ngoại vụ)

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 80-KH/TU, ngày 25/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I. Đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện						
1	Rà soát, cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Nghị quyết số 217/NQ-CP vào các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh; đồng bộ với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và các nghị quyết chuyên đề; xác định rõ nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, tránh ban hành thêm đề án, kế hoạch trùng lặp.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương liên quan	2026-2027; rà soát hằng năm	Danh mục nội dung cần cụ thể hóa, điều chỉnh; hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được tích hợp thống nhất	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
2	Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; rà soát	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh; các	Giai đoạn 2026-2030	Chức năng, nhiệm vụ, phân cấp được rà	NSNN

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền; nâng cao năng lực cấp xã; đổi mới công tác cán bộ, đánh giá theo kết quả và sản phẩm; thực hiện quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.		cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; các cơ quan, đơn vị liên quan		soát; bộ máy vận hành thông suốt; chất lượng đội ngũ và trách nhiệm người đứng đầu được nâng lên	
3	Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo mục tiêu, kết quả và tác động phát triển; chuẩn hóa, số hóa chế độ báo cáo; khai thác dữ liệu dùng chung, xây dựng sản phẩm điều hành và cơ chế theo dõi nhiệm vụ theo nguyên tắc “6 rõ”; giảm báo cáo trùng lặp, tăng cảnh báo sớm đối với nhiệm vụ chậm, điểm nghẽn liên ngành.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030; trọng tâm 2026-2027	Chế độ báo cáo được chuẩn hóa; dữ liệu, bảng theo dõi và sản phẩm điều hành được khai thác thực chất	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
II. Về kinh tế						
1	Cơ cấu lại mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương và cơ	Hàng quý	Kịch bản tăng trưởng; danh	NSNN, vốn đầu tư công,

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; hằng năm xác định rõ động lực tăng trưởng, dự địa tăng thu, năng lực sản xuất mới và danh mục dự án trọng điểm; đổi mới phân bổ nguồn lực theo mục tiêu, hiệu quả và kết quả đầu ra; tăng cường quản lý tiến độ, hiệu quả đầu tư công và dự án ngoài ngân sách.	(Sở Tài chính)	quan, đơn vị liên quan		mục động lực, dự án trọng điểm; cơ chế theo dõi tiến độ, hiệu quả sử dụng nguồn lực	vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
2	Triển khai đồng bộ Nghị quyết số 13-NQ/TU về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 14-NQ/TU về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ điểm nghẽn về thủ tục đầu tư, đất đai, quy hoạch, giải phóng mặt bằng, tiếp cận nguồn lực; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô và	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính)	Sở Nội vụ; các sở, ngành, địa phương; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Giai đoạn 2026-2030	Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; số lượng, quy mô, năng lực và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân tăng theo mục tiêu	NSNN, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	tham gia chuỗi giá trị.					
3	Triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TU về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với đô thị hiện đại, xanh, thông minh; ưu tiên cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, các tuyến kết nối liên vùng, cửa khẩu và hạ tầng logistics, đô thị, số, năng lượng, thủy lợi. Tổ chức không gian phát triển theo Quy hoạch tỉnh; kế thừa định hướng 04 trục động lực - 03 vùng kinh tế - 04 cực tăng trưởng trong thời gian Quy hoạch còn hiệu lực và rà soát, đề xuất cập nhật khi điều chỉnh Quy hoạch phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Xây dựng)	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các ban quản lý dự án; các địa phương, đơn vị liên quan	Hoàn thành Quý I/2029	Danh mục hạ tầng chiến lược, dự án liên kết và phương án tổ chức không gian được triển khai, cập nhật theo quy hoạch được duyệt	NSNN, PPP, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
4	Triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Vùng sản xuất hàng hóa, dữ liệu vùng trồng và chuỗi giá trị	NSNN, nguồn CTMTQG, vốn doanh

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	minh, bền vững; phát triển vùng nguyên liệu, hạ tầng vùng sản xuất, dữ liệu vùng trồng; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản, truy xuất nguồn gốc, thương hiệu và thị trường; hình thành, củng cố các chuỗi liên kết có doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia.	trường)	phương, doanh nghiệp, hợp tác xã liên quan		đối với sản phẩm chủ lực được hình thành, mở rộng theo mục tiêu	ng nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
5	Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ưu tiên chế biến nông, lâm sản, vật liệu và các ngành phù hợp lợi thế của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển nguồn và lưới điện, khai thác tiềm năng năng lượng tái tạo theo quy hoạch, bảo đảm hiệu quả, an toàn, môi trường và lợi ích lâu dài.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Danh mục dự án công nghiệp, năng lượng ưu tiên; năng lực chế biến, sản xuất và cung ứng năng lượng được nâng lên	NSNN, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
6	Triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU về phát triển du lịch;	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng; Sở Công Thương;	Giai đoạn 2026-2030,	Sản phẩm, tuyến, điểm du	NSNN, xã hội hóa, vốn

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, thời gian lưu trú và mức chi tiêu; phát huy Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, bản sắc văn hóa các dân tộc và cảnh quan để hình thành sản phẩm đặc trưng; tăng liên kết điểm đến, chuyển đổi số, xúc tiến, quảng bá và thu hút đầu tư vào dịch vụ du lịch.	(Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; các địa phương, doanh nghiệp liên quan	định hướng đến năm 2035	lịch có thương hiệu; doanh thu, thời gian lưu trú và đóng góp của du lịch tăng theo mục tiêu	doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
7	Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics, thương mại điện tử và xuất khẩu; đầu tư, khai thác hạ tầng cửa khẩu theo quy hoạch; nâng cao năng lực thông quan, kho vận, số hóa quy trình; hỗ trợ sản phẩm chủ lực đáp ứng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường; gắn phát triển kinh tế cửa khẩu với quản lý biên giới, quốc phòng, an ninh.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)	Sở Ngoại vụ; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các địa phương, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Năng lực hạ tầng, dịch vụ cửa khẩu và logistics được nâng lên; thương mại biên giới, xuất khẩu và số chủ thể tham gia thị trường tăng	NSNN, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
8	Phát triển Khu thương mại xuyên biên giới với Lào	Đảng ủy UBND tỉnh (Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh -Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Quý II/2027	Khu thương mại	NSNN, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
9	Nâng cấp cửa khẩu A Pa Chải - Long Phú thành cửa khẩu quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh (Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh -Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Năm 2028	Cửa khẩu A Pa Chải - Long Phú thành cửa khẩu quốc tế	NSNN, vốn doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác
10	Triển khai Nghị quyết số 17-NQ/TU về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Các nền tảng dữ liệu, sản phẩm điều hành và mô hình ứng dụng công nghệ được	NSNN, vốn doanh nghiệp, xã hội hóa và các nguồn

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	và công nghệ mới vào quản trị, sản xuất và cung cấp dịch vụ công; khai thác hiệu quả hạ tầng, nền tảng, cơ sở dữ liệu và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm có kiểm soát các mô hình mới khi đủ căn cứ pháp lý và phù hợp thực tiễn tỉnh.		ngành, cơ sở đào tạo liên quan		được đưa vào sử dụng; năng suất và tỷ trọng kinh tế số tăng theo mục tiêu	hợp pháp khác
III. Về xã hội						
1	Triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực và các chủ trương của Trung ương về giáo dục, đào tạo; gắn giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, phân luồng, STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, đào tạo lại và thu hút nhân tài với nhu cầu thị trường lao động, doanh nghiệp và các ngành động lực; ưu tiên nâng chất lượng nhân lực vùng	Đảng ủy UBND (Sở Nội vụ)	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Dự báo cung - cầu lao động; kế hoạch đào tạo, việc làm; chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực được nâng lên theo mục tiêu	NSNN, nguồn CTMTQG và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	cao, dân tộc thiểu số, biên giới.					
2	Nâng cao chất lượng y tế, dân số và an sinh xã hội; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng, hồ sơ sức khỏe điện tử và dữ liệu y tế; triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TU về vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững; chuyển mạnh từ hỗ trợ đơn thuần sang tạo sinh kế, việc làm, thu nhập và nâng khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, điện và các dịch vụ xã hội cơ bản.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; BHXH tỉnh; các địa phương, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Các chỉ tiêu y tế, dân số, bảo hiểm, giảm nghèo và tiếp cận dịch vụ cơ bản được cải thiện; sinh kế và khả năng tự vươn lên của người dân được nâng lên	NSNN, nguồn CTMTQG và các nguồn hợp pháp khác
IV. Về văn hóa, con người						
1	Triển khai các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa; phát triển con người Điện Biên toàn diện, giàu bản sắc, nhân văn, kỷ cương, sáng tạo; phát huy “tinh thần Điện Biên Phủ”;	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các sở, ngành, địa phương, doanh	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Giá trị văn hóa, di sản được bảo tồn, phát huy; môi trường văn hóa và sản phẩm công nghiệp văn hóa	NSNN, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	bảo tồn, số hóa và phát huy di sản, văn hóa các dân tộc gắn với du lịch, giáo dục truyền thống; phát triển công nghiệp văn hóa, sản phẩm văn hóa đặc trưng và nâng cao hiệu quả thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở.		ngành và cộng đồng liên quan		được nâng chất lượng, tạo nguồn lực cho phát triển	
V. Về môi trường sinh thái						
1	Thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp; quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tài nguyên, năng lượng; bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế rừng; chủ động thích ứng biến đổi khí hậu, quản trị rủi ro thiên tai, bảo đảm an ninh nguồn nước; xây dựng dữ liệu, bản đồ nguy cơ, cảnh báo sớm và phương án di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao.	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh; các địa phương, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Hiệu quả sử dụng tài nguyên, chất lượng môi trường và rừng được nâng lên; hệ thống quản trị rủi ro, cảnh báo sớm, phương án dân cư an toàn được hoàn thiện	NSNN, nguồn dịch vụ môi trường rừng, vốn xanh, ODA và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
VI. Về quốc phòng, an ninh						
1	Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân và thế trận lòng dân vững chắc; bảo vệ chủ quyền biên giới; nâng cao năng lực dự báo, phòng ngừa tội phạm, an ninh kinh tế, an ninh mạng và các nguy cơ an ninh phi truyền thống; triển khai mục tiêu xây dựng tỉnh Điện Biên không ma túy đến năm 2030.	Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; các cấp ủy, chính quyền địa phương; các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị	Giai đoạn 2026-2030, duy trì thường xuyên	Tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh được củng cố; chủ quyền biên giới, an ninh, trật tự được giữ vững; các chỉ tiêu phòng, chống tội phạm, ma túy thực hiện theo mục tiêu	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
VII. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế						
1	Nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng thiết thực, kiến tạo phát triển; củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương Bắc Lào, Vân Nam	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Ngoại vụ)	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ;	Hàng năm; giai đoạn 2026-2030	Danh mục đối tác, lĩnh vực và dự án ưu tiên; thỏa thuận hợp tác được thực hiện thực chất;	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	(Trung Quốc) và mở rộng đối tác phù hợp; gắn đối ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ, đào tạo và huy động nguồn lực; rà soát, theo dõi đến cùng kết quả thực hiện các thỏa thuận hợp tác.		Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; các địa phương, đơn vị liên quan		kết quả huy động nguồn lực và hợp tác kinh tế, khoa học, đào tạo được lượng hóa	